

Số: 397/QĐ-CDGTVTTW V

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khoá tuyển sinh năm 2018
trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 1671/2001/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải II nay là Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CDGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản số 396/BB-CDGTVTTW V họp ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 218 sinh viên nghề Công nghệ ô tô, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

STT	Lớp	Số SV tốt nghiệp	Trong đó		
			Xuất sắc	Giỏi	Khá
1	CD18CÔ1	18	0	02	14
2	CD18CÔ2	12	0	0	08
3	CD18CÔ3	18	0	01	13
4	CD18CÔ4	22	0	02	18
5	CD18CÔ5	23	0	02	17
6	CD18CÔ6	19	0	01	10
7	CD18CÔ7	23	0	02	16
8	CD18CÔ9	17	0	02	13
9	CD18CÔ10	19	0	02	09
10	CD18CÔ11	13	0	0	11
11	CD18CK1	34	0	07	27
Tổng số		218	0	21	156

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HS-SV, Phòng Tài chính- Kế toán; Trường các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

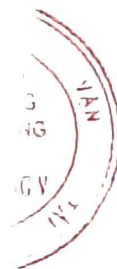
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Dung



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 TỐT NGHIỆP THÁNG 4/2021

(Kèm theo Quyết định số 397/QĐ-CDGTVTTW V ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ (184 SINH VIÊN)

1. LỚP CD18CÔ1 - 18 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại	TBC TL		
1	186510216104	RMAH BLUT	01/01/1998	Nam	Gia Lai	87	Tốt	79	79	0	3.33	Giỏi	
2	186510216121	RMAH- Hiếu	12/4/2000	Nam	Gia Lai	85	Tốt	79	79	0	3.22	Giỏi	
3	186510216144	Lê Hoài Sáng	12/7/2000	Nam	Bình Định	90	Xuất sắc	79	79	0	3.11	Khá	
4	186510216134	Lê Phước Long	05/7/2000	Nam	Gia Lai	82	Tốt	79	79	0	2.95	Khá	
5	186510216127	Nguyễn Hữu Huynh	23/11/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	2.94	Khá	
6	186510216112	Đức	10/09/2000	Nam	Gia Lai	81	Tốt	79	79	0	2.91	Khá	
7	186510216125	Nguyễn Minh Huy	24/01/2000	Nam	Đắk Lắk	78	Khá	79	79	0	2.89	Khá	
8	186510216119	Nguyễn Phước Hiếu	17/12/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	2.84	Khá	
9	186510216140	Nguyễn Đình Niên	19/4/2000	Nam	Hà Tĩnh	84	Tốt	79	79	0	2.84	Khá	
10	186510216137	Trần Việt Nam	27/7/2000	Nam	Đắk Lắk	79	Khá	79	79	0	2.82	Khá	
11	186510216111	Đỗ Văn Duẩn	26/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	79	79	2	2.78	Khá	
12	186510216114	Hồ Tấn Duy	04/9/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	2	2.75	Khá	
13	186510216106	Đinh Công Chính	29/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	79	79	0	2.70	Khá	
14	186510216132	Đặng Thành Long	15/6/2000	Nam	Gia Lai	82	Tốt	79	79	1	2.69	Khá	
15	186510216105	Lâm Quang Cảnh	27/3/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	79	79	0	2.64	Khá	
16	186510216113	Văn Dũng	24/11/1998	Nam	Hà Tĩnh	76	Khá	79	79	3	2.52	Khá	
17	186510216142	Đinh Văn Quý	05/5/2000	Nam	Đắk Lắk	77	Khá	79	79	0	2.45	Trung bình	
18	186510216108	Lê Tự Cường	24/01/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	79	79	3	2.18	Trung bình	

GIAO

2. LỚP CD18CÔ2 - 12 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216207	Nguyễn Thành Đức	10/5/2000	Nam	Kon Tum	81	Tốt	79	79	1	3.04	Khá	
2	186510216245	Hoàng Minh Trọng	05/4/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	0	2.94	Khá	
3	186510216237	Đặng Hữu Thanh	09/10/2000	Nam	Hải Hưng	80	Tốt	79	79	0	2.82	Khá	
4	186510216247	Lê Quốc Trung	21/9/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	1	2.81	Khá	
5	186510216252	Phạm Lê Anh Tuấn	30/5/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	2	2.81	Khá	
6	186510216242	Trần Ngọc Tiến	13/6/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	2	2.72	Khá	
7	186510216239	Lê Tự Thành	20/4/2000	Nam	Đắk Lắk	79	Khá	79	79	2	2.58	Khá	
8	186510216231	Nguyễn Quốc Phong	28/8/2000	Nam	Ninh Bình	79	Khá	79	79	1	2.51	Khá	
9	186510216220	Trương Trường Lâm	02/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	5	2.38	Trung bình	
10	186510216203	Trương Nhứt Can	22/10/1999	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	4	2.36	Trung bình	
11	186510216228	Ngô Quang Nhật	04/4/2000	Nam	Gia Lai	77	Khá	79	79	2	2.32	Trung bình	
12	186510216210	Trần Công Hậu	28/02/1999	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	3	2.24	Trung bình	

3. LỚP CD18C03 - 18 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại	TBC TL		
1	186510216322	Ngô Quang Huy	26/8/2000	Nam	Gia Lai	94	Xuất sắc	79	79	0	3.51	Giỏi	
2	186510216328	Nguyễn Hoàng Long	17/10/2000	Nam	Đắk Lắk	86	Tốt	79	79	0	3.18	Khá	
3	186510216318	Phạm Ngọc Dũng	25/01/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	3.03	Khá	
4	186510216317	Nguyễn Văn Đù	26/4/2000	Nam	Thừa Thiên Huế	74	Khá	79	79	1	2.96	Khá	
5	186510216329	Cù Duy Long	23/6/2000	Nam	Đà Nẵng	80	Tốt	79	79	0	2.95	Khá	
6	186510216335	Võ Trọng Quý	25/12/2000	Nam	Bình Định	77	Khá	79	79	0	2.94	Khá	
7	186510216320	Lương Văn Duy	04/01/1999	Nam	Đắk Lắk	76	Khá	79	79	2	2.75	Khá	
8	186510216316	Nguyễn Văn Điệp	02/5/2000	Nam	Gia Lai	76	Khá	79	79	0	2.73	Khá	
9	186510216319	Đinh Tiến Dũng	13/11/2000	Nam	Đắk Lắk	74	Khá	79	79	0	2.71	Khá	
10	186510216311	Nguyễn Văn Đạt	19/10/2000	Nam	Gia Lai	89	Tốt	79	79	1	2.70	Khá	
11	186510216301	A Burk	18/02/1999	Nam	Kon Tum	73	Khá	79	79	0	2.65	Khá	
12	186510216310	Nguyễn Tiến Đại	09/10/2000	Nam	Đắk Lắk	76	Khá	79	79	0	2.57	Khá	
13	186510216338	Phan Linh Tâm	06/5/2000	Nam	Kon Tum	78	Khá	79	79	1	2.57	Khá	
14	186510216304	Ngô Vũ Bảo	04/3/2000	Nam	Đắk Lắk	76	Khá	79	79	2	2.54	Khá	
15	186510216324	Trần Tuấn Kỳ	13/9/2000	Nam	Quảng Trị	74	Khá	79	79	2	2.49	Trung bình	
16	186510216326	Đỗ Quang Linh	01/6/1999	Nam	Quảng Bình	75	Khá	79	79	4	2.43	Trung bình	
17	186510216332	Nguyễn Hữu Phong	30/11/1999	Nam	Gia Lai	74	Khá	79	79	2	2.41	Trung bình	
18	186510216331	Nguyễn Văn Ninh	01/5/2000	Nam	Gia Lai	74	Khá	79	79	0	2.34	Trung bình	

4. LỚP CD18CÔ4 - 22 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại	TBC TL		
1	186510216416	Lê Công	Hậu	01/01/2000	Nam	Quảng Bình	83	Tốt	79	79	0	3.36	Giỏi	
2	186510216410	Vũ Tiến	Dũng	28/8/2000	Nam	Ninh Bình	83	Tốt	79	79	0	3.20	Giỏi	
3	186510216420	Lê Văn	Hung	31/5/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	0	3.15	Khá	
4	186510216429	Phạm Duy	Nam	02/10/2000	Nam	Kon Tum	87	Tốt	79	79	0	3.14	Khá	
5	186510216428	Phạm Thành	Nam	04/10/2000	Nam	Bình Phước	75	Khá	79	79	1	3.05	Khá	
6	186510216440	Nguyễn Mai	Quân	24/02/2000	Nam	Hà Tĩnh	83	Tốt	79	79	0	3.02	Khá	
7	186510216418	Nguyễn Việt	Hoàng	07/5/2000	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	79	79	0	2.93	Khá	
8	186510216441	Nguyễn Hữu	Quý	20/4/2000	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	79	79	0	2.90	Khá	
9	186510216447	Nguyễn Nghiêm	Thanh	10/4/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	2.89	Khá	
10	186510216442	Lê Văn	Quyền	20/8/2000	Nam	Kon Tum	87	Tốt	79	79	1	2.84	Khá	
11	186510216430	Lê Trọng	Nghĩa	09/11/1998	Nam	Kon Tum	82	Tốt	79	79	0	2.83	Khá	
12	186510216424	Trần Tuấn	Khải	09/12/2000	Nam	Gia Lai	81	Tốt	79	79	0	2.78	Khá	
13	186510216403	Nguyễn Văn	Anh	10/10/2000	Nam	Quảng Trị	83	Tốt	79	79	0	2.76	Khá	
14	186510216431	Nguyễn Tấn	Ngoan	04/4/2000	Nam	Đắk Lắk	84	Tốt	79	79	0	2.76	Khá	
15	186510216411	Vũ Tùng	Dương	16/12/2000	Nam	Kon Tum	80	Tốt	79	79	0	2.72	Khá	
16	186510216436	Hồ Ngọc	Phong	19/11/2000	Nam	Đắk Lắk	82	Tốt	79	79	0	2.70	Khá	
17	186510216432	Trần Thái	Nguyễn	19/02/1996	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	2.68	Khá	
18	186510216438	Vương Hưng	Phú	11/5/2000	Nam	Đắk Lắk	84	Tốt	79	79	0	2.61	Khá	
19	186510216421	Nguyễn Văn	Huy	09/10/2000	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	79	79	0	2.55	Khá	
20	186510216426	Lê Bá	Lộc	01/01/2000	Nam	Quảng Trị	74	Khá	79	79	0	2.51	Khá	
21	186510216427	Trương Quang	Long	14/10/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	0	2.49	Trung bình	
22	186510216446	Nguyễn Chí	Thanh	02/02/1998	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	1	2.49	Trung bình	

5. LỚP CĐ18CÔ5 - 23 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại	TBC TL		
1	186510216561	Đỗ Hoàng Phúc	19/01/2000	Nam	Gia Lai	84	Tốt	79	79	0	3.25	Giỏi	
2	186510216536	Nguyễn Hữu Thắng	30/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	86	Tốt	79	79	0	3.24	Giỏi	
3	186510216504	Trần Tuấn Anh	17/01/1999	Nam	Quảng Bình	81	Tốt	79	79	0	3.10	Khá	
4	186510216534	Nay Tangel	26/3/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	0	3.03	Khá	
5	186510216554	Vô Tấn Đạt	14/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	79	79	0	2.97	Khá	
6	186510216509	Đoàn Văn Đồng	05/12/2000	Nam	Nam Định	77	Khá	79	79	0	2.96	Khá	
7	186510216502	Hoàng Kim Anh	22/8/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	79	79	0	2.93	Khá	
8	186510216505	Lê Đình Bào	24/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	79	79	0	2.91	Khá	
9	186510216506	Trần Văn Danh	12/5/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	0	2.86	Khá	
10	186510216503	Nguyễn Tiến Anh	22/9/2000	Nam	Kon Tum	75	Khá	79	79	0	2.75	Khá	
11	186510216528	Mai Hồng Phong	21/9/2000	Nam	Kon Tum	92	Xuất sắc	79	79	0	2.71	Khá	
12	186510216530	Vô Quang Sang	26/5/2000	Nam	Quảng Bình	81	Tốt	79	79	0	2.66	Khá	
13	186510216556	Huỳnh Công Nam	30/10/2000	Nam	Bình Định	73	Khá	79	79	0	2.65	Khá	
14	186510216557	Phạm Văn Hải	28/7/1999	Nam	Quảng Bình	77	Khá	79	79	0	2.63	Khá	
15	186510216563	Nguyễn Đình Nguyên	04/7/1997	Nam	Kon Tum	76	Khá	79	79	1	2.61	Khá	
16	186510216540	Nguyễn Quang Trường	28/12/2000	Nam	Đắk Lắk	83	Tốt	79	79	0	2.61	Khá	
17	186510216507	Đặng Quang Đạt	29/7/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	0	2.59	Khá	
18	186510216546	Vô Thế Vũ	16/12/2000	Nam	Quảng Nam	77	Khá	79	79	0	2.52	Khá	
19	186510216522	Vô Văn Lân	07/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	83	Tốt	79	79	0	2.51	Khá	
20	186510216512	Trương Việt Hoàng	23/3/2000	Nam	Gia Lai	78	Khá	79	79	0	2.48	Trung bình	
21	186510216501	A Trí	17/05/2000	Nam	Kon Tum	78	Khá	79	79	2	2.44	Trung bình	
22	186510216559	Đoàn Mạnh Quý	02/02/2000	Nam	Hà Tĩnh	76	Khá	79	79	1	2.26	Trung bình	
23	186510216552	Trương Quang Thanh	14/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	72	Khá	79	79	2	2.23	Trung bình	

6. LỚP CD18C06 - 19 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại	TBC TL		
1	186510216616	Trịnh Tấn Hiệp	15/10/2000	Nam	Gia Lai	85	Tốt	79	79	0	3.33	Giỏi	
2	186510216639	Nguyễn Thành Sáng	23/4/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	3.16	Khá	
3	186510216657	Thái Thanh Vỹ	02/02/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	3.03	Khá	
4	186510216609	Võ Văn Dư	28/5/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	79	79	0	2.91	Khá	
5	186510216645	Đinh Vũ Anh Thi	20/5/2000	Nam	Kon Tum	81	Tốt	79	79	0	2.78	Khá	
6	186510216617	Lê Phương Hiếu	03/10/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	1	2.71	Khá	
7	186510216601	Nguyễn Việt Hoàng	21/11/2000	Nam	Đà Nẵng	81	Tốt	79	79	1	2.57	Khá	
8	186510216662	Đặng Ngọc Vỹ	20/06/1996	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	0	2.57	Khá	
9	186510216652	Đào Quang Hiền	23/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	79	79	2	2.54	Khá	
10	186510216629	Đặng Nhật Minh	13/11/2000	Nam	Kon Tum	79	Khá	79	79	0	2.52	Khá	
11	186510216643	Trần Văn Tài	21/8/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	0	2.51	Khá	
12	186510216613	Nguyễn Ngọc Hân	12/01/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.47	Trung bình	
13	186510216614	Nguyễn Việt Hào	27/6/2000	Nam	Quảng Trị	79	Khá	79	79	0	2.47	Trung bình	
14	186510216665	Nguyễn Công Hào	11/8/2000	Nam	Bình Định	79	Khá	79	79	1	2.44	Trung bình	
15	186510216615	Nguyễn Văn Hào	16/4/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	2	2.37	Trung bình	
16	186510216618	Phạm Ngọc Hiếu	10/7/2000	Nam	Quảng Bình	79	Khá	79	79	2	2.37	Trung bình	
17	186510216649	Hà Đức Tiềm	28/7/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.21	Trung bình	
18	186510216671	Nguyễn Phước Thắng	08/7/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	2	2.14	Trung bình	
19	186510216623	Hoàng Anh Kiệt	14/3/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	3	2.13	Trung bình	

7. LỚP CD18CÔ7 - 23 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi...
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216738	Nguyễn Văn Dũng	26/4/1999	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	0	3.24	Giỏi	
2	186510216743	Nông Đình Hiệp	24/6/2000	Nam	Đắk Lắk	82	Tốt	79	79	0	3.21	Giỏi	
3	186510216702	Nguyễn Anh Đức	30/7/1999	Nam	Quảng Bình	95	Xuất sắc	79	79	1	3.19	Khá	
4	186510216704	Bùi Quang Dũng	12/10/2000	Nam	Kon Tum	88	Tốt	79	79	1	3.03	Khá	
5	186510216701	Hoàng Văn Tuấn Song	22/12/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	1	2.86	Khá	
6	186510216741	Nguyễn Quang Duy	24/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	87	Tốt	79	79	0	2.77	Khá	
7	186510216703	Lê Thành Đức	21/01/2000	Nam	Kon Tum	85	Tốt	79	79	0	2.74	Khá	
8	186510216714	Đình Công Nghĩa	23/01/2000	Nam	Kon Tum	80	Tốt	79	79	0	2.74	Khá	
9	186510216720	Trần Quang Thiên	21/5/2000	Nam	Quảng Bình	82	Tốt	79	79	0	2.72	Khá	
10	186510216717	Nguyễn Văn Quyền	17/6/2000	Nam	Đắk Lắk	80	Tốt	79	79	0	2.69	Khá	
11	186510216739	Nguyễn Mạnh Dũng	25/5/1999	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	1	2.66	Khá	
12	186510216742	Phan Tấn Hậu	14/02/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.66	Khá	
13	186510216736	Lê Như Quỳnh	19/10/2000	Nam	Quảng Trị	81	Tốt	79	79	0	2.66	Khá	
14	186510216723	Bùi Văn Tình	30/7/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	79	79	1	2.59	Khá	
15	186510216745	Nguyễn Huy Hoàng	17/5/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	2.56	Khá	
16	186510216728	Lưu Đặng Công Tuấn	09/5/1999	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	3	2.55	Khá	
17	186510216713	Nguyễn Văn Long	25/7/2000	Nam	Đà Nẵng	73	Khá	79	79	0	2.53	Khá	
18	186510216705	Lương Hoàng Duy	04/02/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	1	2.51	Khá	
19	186510216715	Nguyễn Minh Nguyên	15/10/2000	Nam	Đà Nẵng	83	Tốt	79	79	3	2.43	Trung bình	
20	186510216727	Võ Lam Trường	16/02/2000	Nam	Kon Tum	80	Tốt	79	79	2	2.42	Trung bình	
21	186510216706	Nguyễn Đức Duy	20/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	79	79	5	2.39	Trung bình	
22	186510216725	Huỳnh Ngọc Tri	28/4/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	79	79	1	2.33	Trung bình	
23	186510216711	Nguyễn Văn Huy	17/11/2000	Nam	Bình Định	78	Khá	79	79	2	2.30	Trung bình	

8. LỚP CD18CÔ9 - 17 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại	TBC TL		
1	186510216716	Phan Văn Quý	30/9/2000	Nam	An Giang	91	Xuất sắc	79	79	0	3.53	Giỏi	
2	186510216351	Trịnh Quang Tú	14/11/2000	Nam	Gia Lai	92	Xuất sắc	79	79	0	3.36	Giỏi	
3	186510216354	Trần Hoài Vân	18/7/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	0	2.99	Khá	
4	186510216158	Trần Minh Vũ	25/02/2000	Nam	Bình Định	75	Khá	79	79	0	2.96	Khá	
5	186510216355	Trần Hữu Vinh	19/01/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	0	2.91	Khá	
6	186510216359	Hồ Tấn Dũng	22/9/2000	Nam	Đắk Lắk	78	Khá	79	79	0	2.86	Khá	
7	186510216156	Phan Minh Tuấn	10/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	79	79	1	2.86	Khá	
8	186510216348	Nguyễn Duy Trường	18/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	79	79	1	2.85	Khá	
9	186510216102	Bùi Ngọc Anh	18/11/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.81	Khá	
10	186510216149	Nguyễn Văn Thuyết	12/10/1999	Nam	Đắk Lắk	80	Tốt	79	79	1	2.75	Khá	
11	186510216150	Trần Minh Tiến	22/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	87	Tốt	79	79	0	2.65	Khá	
12	186510216350	Võ Văn Trường	22/4/2000	Nam	Đà Nẵng	78	Khá	79	79	2	2.65	Khá	
13	186510216146	Nguyễn Văn Thạch	03/6/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	79	79	0	2.59	Khá	
14	186510216343	Phạm Trung Tiến	02/01/2000	Nam	Kon Tum	76	Khá	79	79	2	2.59	Khá	
15	186510216344	Phạm Duy Tiến	16/02/2000	Nam	Đắk Lắk	75	Khá	79	79	1	2.50	Khá	
16	186510216160	Nguyễn Quang Huy	25/01/1999	Nam	Gia Lai	78	Khá	79	79	1	2.43	Trung bình	
17	186510216154	Hồ Văn Truyền	27/5/2000	Nam	Quảng Trị	77	Khá	79	79	0	2.32	Trung bình	

9. LỚP CD18CÔ10 - 19 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216543	Nguyễn Văn Vệ	17/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	83	Tốt	79	79	0	3.28	Giỏi	
2	186510216453	Nguyễn Đức Trung	25/10/2000	Nam	Quảng Trị	92	Xuất sắc	79	79	0	3.26	Giỏi	
3	186510216459	Hồ Ngọc Việt	25/5/1999	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	3.06	Khá	
4	186510216752	Nguyễn Văn Quang	18/7/1999	Nam	Gia Lai	93	Xuất sắc	79	79	0	2.99	Khá	
5	186510216537	Đặng Đức Thành	17/12/2000	Nam	Gia Lai	81	Tốt	79	79	0	2.92	Khá	
6	186510216517	Lý Quang Khánh	01/01/2000	Nam	Quảng Trị	78	Khá	79	79	1	2.79	Khá	
7	186510216541	Đặng Văn Tuấn	07/9/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	79	79	0	2.75	Khá	
8	186510216753	Vô Thanh Quốc	31/5/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	2	2.72	Khá	
9	186510216448	Lê Văn Thu	25/01/2000	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	2	2.63	Khá	
10	186510216464	Hồ Văn Công	16/11/1999	Nam	Quảng Trị	75	Khá	79	79	0	2.58	Khá	
11	186510216513	Phan Văn Hùng	25/12/2000	Nam	Quảng Trị	76	Khá	79	79	5	2.55	Khá	
12	186510216761	Bùi Hữu Tuấn	11/3/1999	Nam	Đắk Lắk	77	Khá	79	79	0	2.43	Trung bình	
13	186510216764	Y' Sao	01/01/2000	Nam	Đắk Lắk	77	Khá	79	79	1	2.41	Trung bình	
14	186510216755	Hoàng Hữu Thắng	26/8/2000	Nam	Đắk Lắk	73	Khá	79	79	5	2.41	Trung bình	
15	186510216454	Nguyễn Thành Trung	24/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	79	79	0	2.36	Trung bình	
16	186510216519	Đặng Ngọc Khuê	07/6/1999	Nam	Quảng Nam	75	Khá	79	79	1	2.34	Trung bình	
17	186510216545	Phạm Võ Bảo Việt	04/12/2000	Nam	Kon Tum	71	Khá	79	79	5	2.30	Trung bình	
18	186510216535	Bạch Thanh Thắng	06/8/2000	Nam	Bình Định	72	Khá	79	79	5	2.16	Trung bình	
19	186510216527	A Lăng Nghim	12/8/2000	Nam	Quảng Nam	75	Khá	79	79	3	2.09	Trung bình	

10. LỚP CD18C011 - 13 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	G:
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại	TBC TL		
1	186510216269	Nguyễn Tấn Tiến	01/01/2000	Nam	Quảng Nam	88	Tốt	79	79	0	3.09	Khá	
2	186510216646	Võ Duy Thi	11/2/2000	Nam	Quảng Nam	85	Tốt	79	79	0	3.08	Khá	
3	186510216650	Trần Tin	19/6/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	2	3.05	Khá	
4	186510216628	Nguyễn Hoàng Minh	12/4/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	3	2.89	Khá	
5	186510216656	Phạm Tấn Vũ	19/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	79	79	3	2.89	Khá	
6	186510216644	Nguyễn Chiến Thắng	11/01/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	79	79	0	2.78	Khá	
7	186510216638	Trần Thái Đình Sang	15/7/1999	Nam	Kon Tum	79	Khá	79	79	2	2.67	Khá	
8	186510216249	Võ Quang Trường	23/10/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	3	2.61	Khá	
9	186510216660	Lê Quang Sanh	10/01/2000	Nam	Quảng Trị	79	Khá	79	79	2	2.56	Khá	
10	186510216255	Diệp Quốc Vinh	11/11/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	4	2.56	Khá	
11	186510216654	Dương Hiền Tuấn	23/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	79	79	3	2.54	Khá	
12	186510216624	Nguyễn Nhật Lân	21/3/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	3	2.47	Trung bình	
13	186510216257	Đặng Ngọc Trọng	13/10/1999	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	2	2.44	Trung bình	

II. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ-LỚP CĐ18CK1 (34 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thí lại	TBC TL	
												Giỏi
1	186510201161	Hoàng Thiện Tín	01/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	1	3.60	Giỏi
2	186510201116	Huỳnh Văn Hiếu	18/3/2000	Nam	Quảng Nam	94	Xuất sắc	78	78	0	3.45	Giỏi
3	186510201144	Trần Tiến Trung	06/7/1999	Nam	Quảng Nam	91	Xuất sắc	78	78	0	3.45	Giỏi
4	186510201152	Võ Đình An	22/5/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	78	78	0	3.42	Giỏi
8	186510201109	Nguyễn Xuân Dũng	27/10/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	78	78	0	3.32	Giỏi
9	186510201127	Đinh Văn Nì	27/8/2000	Nam	Quảng Ngãi	91	Xuất sắc	78	78	0	3.31	Giỏi
10	186510201147	Bùi Xuân Tuấn	21/02/2000	Nam	Quảng Nam	84	Tốt	78	78	0	3.29	Giỏi
5	186510201204	Lê Văn Tiến	01/4/1998	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	78	78	1	3.40	Khá
6	186510201159	Lê Minh Phụng	06/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	78	78	1	3.38	Khá
7	186510201168	Phạm Đức Cường	03/12/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	78	78	1	3.33	Khá
11	186510201150	Phạm Hồng Tuyên	11/12/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	78	78	1	3.19	Khá
12	186510201102	Nguyễn Hoàng Anh	08/4/2000	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	78	78	0	3.17	Khá
13	186510201107	Cao Tiến Đạt	18/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	78	78	0	3.15	Khá
14	186510201164	Lê Đình Tôn	15/5/2000	Nam	Bình Định	80	Tốt	78	78	2	3.14	Khá
15	186510201132	Nguyễn Thanh Quang	20/12/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	78	78	0	3.12	Khá
16	186510201158	Trần Hoàng Nam	15/3/2000	Nam	Quảng Trị	79	Khá	78	78	3	3.11	Khá
17	186510201163	Nguyễn Quốc Toàn	09/01/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	78	78	1	3.11	Khá
18	186510201126	Tổng Minh Nhân	01/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	83	Tốt	78	78	0	3.05	Khá
19	186510201118	Trần Quốc Khánh	08/7/2000	Nam	Gia Lai	86	Tốt	78	78	0	3.04	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN		
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thí lại	TBC TL			
20	186510201142	Tạ Ngọc Hoàng	Tín	05/9/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	78	78	0	3.04	Khá	
21	186510201106	Trần Sỹ	Đan	21/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	78	78	0	3.03	Khá	
22	186510201101	Trần Hồ Ngọc	Truyền	20/11/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	78	78	0	3.01	Khá	
23	186510201165	Phan Văn	Trường	05/7/2000	Nam	Quảng Trị	81	Tốt	78	78	2	3.00	Khá	
24	186510201151	Lê Tấn	Vương	30/3/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	78	78	3	2.98	Khá	
25	186510201166	Hồ Kim	Vũ	23/7/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	78	78	4	2.95	Khá	
26	186510201156	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	78	78	4	2.92	Khá	
27	186510201138	Võ Đình	Thiện	02/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	78	78	0	2.91	Khá	
28	186510201201	Hồ Xuân	Hoan	27/4/2000	Nam	Bình Định	78	Khá	78	78	3	2.90	Khá	
29	186510201105	Trần Thanh	Đặc	20/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	0	2.88	Khá	
30	186510201125	Đỗ Hữu Quốc	Lộc	01/01/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	78	78	0	2.85	Khá	
31	186510201111	Huỳnh Văn	Hải	26/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	78	78	0	2.75	Khá	
32	186510201157	Dương Nhị	Kha	14/3/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	78	78	3	2.73	Khá	
33	186510201129	Phạm Văn	Phong	26/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	73	Khá	78	78	1	2.66	Khá	
34	186510201162	Nguyễn Duy	Toàn	29/11/2000	Nam	Kon Tum	76	Khá	78	78	3	2.66	Khá	